

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2025
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn
và nuôi con)

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thuyền và ông Lâm Thái Hiệp

-Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê T A, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp CD, xã VL, huyện HD, tỉnh BL

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Cầu Đỏ, xã VL, huyện HD, tỉnh BL

(Anh T A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2025, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê T A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê T A xác định giữa anh và chị Huỳnh Thị M đi đến hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện HD, tỉnh BL vào ngày 27/10/2008 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo anh Lê T A xác định: Do trong thời gian chung sống giữa vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mặc dù cả hai đã cho nhau nhiều cơ hội để sửa đổi, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm của nhau, hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay, trong khoảng thời gian sống xa nhau nhưng không ai quan tâm ai. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Huỳnh Thị M.

Về con chung: Anh Lê T A xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Lê Thu Cúc, sinh ngày 09/01/2006 và Lê Anh Chí Thiện, sinh ngày 14/6/2013. Cháu Cúc hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên khi ly hôn anh T A không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với cháu Chí Thiện hiện sống với anh. Nếu con có nguyện vọng sống với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng, anh không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê T A xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với chị Huỳnh Thị M: Mặc dù chị Huỳnh Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Huỳnh Thị M vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với chị Huỳnh Thị M theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chị Huỳnh Thị M chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T A được ly hôn với chị M là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con cho anh Lê T A được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị Huỳnh Thị M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê T A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê T A xác định không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Lê T A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê T A có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với chị Huỳnh Thị M. Chị Huỳnh Thị M có địa chỉ cư trú tại huyện HD. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD.

Anh Lê T A có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê T A

Chị Huỳnh Thị M đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị M vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Huỳnh Thị M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T A và chị M chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống anh T A và chị M có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện HD, tỉnh BL vào ngày 27/10/2008 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh T A và chị M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T A và chị M thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ, nhưng thời gian chung sống anh T A và chị M lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện anh T A và chị M đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Trong thời gian qua cả anh T A và chị M đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện muốn hàn gắn lại với nhau, anh T A và chị M không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Anh T A xác định vợ chồng không còn khả năng tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh T A và chị M là không thể hàn gắn lại được, tình trạng hôn nhân của anh T A và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê T A đối với chị Huỳnh Thị M là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Từ lúc vợ chồng anh T A và chị M sống ly thân với nhau, anh T A là người trực tiếp nuôi con chung, anh T A vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con cũng như sự phát triển của con sau này, cháu Lê Anh Chí Thiện có nguyện vọng được sống chung với anh Lê T A, nguyện vọng của cháu Thiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai đe dọa hay ép buộc, Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con Hội đồng xét xử xem xét giao con cho anh Lê T A được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị Huỳnh Thị M được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê T A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê T A xác định không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê T A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lê T A đối với chị Huỳnh Thị M; Xử cho anh Lê T A được ly hôn với chị Huỳnh Thị M.

2/. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Lê Anh Chí Thiện, sinh ngày 14/6/2013 cho anh Lê T A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Huỳnh Thị M được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê T A không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê T A không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Anh Lê T A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004246 ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh Lê T A và chị Huỳnh Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- UBND xã VL;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI**

2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đông Hải, ngày 19 tháng 11 năm

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc giờ phút ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm

-Và các vị Hội thẩm:

1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2/. Ông Nguyễn Thanh Tiền

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 461/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Dương Ngọc Bích, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp 2, xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

2/. Bị đơn: Anh Trần Văn Cường, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Vinh Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh BL.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Ngọc Bích và anh Trần Văn Cường.

2/. Về nuôi con chung: giao người con tên Trần Ngọc Vi, sinh ngày 28/01/2011 cho chị Dương Ngọc Bích được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Bích không yêu cầu anh Cường phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Cường. Anh Cường có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Dương Ngọc Bích phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu số 0004001 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Dương Ngọc Bích và anh Trần Văn Cường được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết lúc vào lúc.....giờ.....phút, ngày 19 tháng 11 năm 2019

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa